

Số: 14043/2025/CBTT-CMT

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2025

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội.

Công ty niêm yết: Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông.

Mã chứng khoán: CMT

Trụ sở chính: Tòa nhà INFONET, số 33 Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (024) 3773. 0793 – Fax: (024) 3773. 0809

Website: <http://www.infonet.com.vn> – Email: info@infonet.com.vn

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Đức Thuận

Loại thông tin công bố: ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2024.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP HĐQT

Người thực hiện công bố thông tin

(Ký ghi rõ họ tên)



Nguyễn Đức Thuận

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CÔNG
NGHỆ
MẠNG VÀ
TRUYỀN
THÔNG

Digitally signed by CÔNG
TY CỔ PHẦN CÔNG
NGHỆ MẠNG VÀ
TRUYỀN THÔNG
DN: C=VN, S=HÀ NỘI,
L=Quận Đống Đa, CN=
CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ
TRUYỀN THÔNG,
OID.0.9.2342.19200300.1
00.1.1=MST:0101122893
Reason: I am the author
of this document
Location:
Date: 2025.04.15
14:34:05+07'00'
Foxit PDF Reader
Version: 2024.1.0

- Tài liệu đính kèm: - Báo cáo thường niên năm 2024

Số: 1104.1 /2025/BC-CMT-BĐH

Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2025.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo: 2024

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.**

I. Thông tin chung.

1. Thông tin khái quát.

- Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0101122893
- Vốn điều lệ : 80.000.000.000 đồng.
- Vốn chủ sở hữu : 255.294.426.032 đồng, tại ngày 31/12/2024.
- Địa chỉ : Tòa nhà INFONET, số 33 phố Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại : (024) 3773.0793
- Số fax : (024) 3773.0809
- Website : <http://www.infonet.com.vn>
- Mã chứng khoán : CMT
- Sàn giao dịch : UPCOM

2. Quá trình hình thành và phát triển.

- Ngày 15/7/2003: Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông (INFONET) được thành lập, trên cơ sở kế thừa và tái cấu trúc công ty TNHH Kỹ nghệ và Thương mại Tin học Toàn Cầu.
- Ngày 11/3/2010: INFONET chính thức giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), với tên mã chứng khoán là CMT.
- Ngày 18/4/2019: INFONET tự nguyện hủy niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh để chuyển sang giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, sàn giao dịch UPCOM.
- Ngày 24/4/2019: INFONET chính thức giao dịch tại sàn giao dịch UPCOM, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

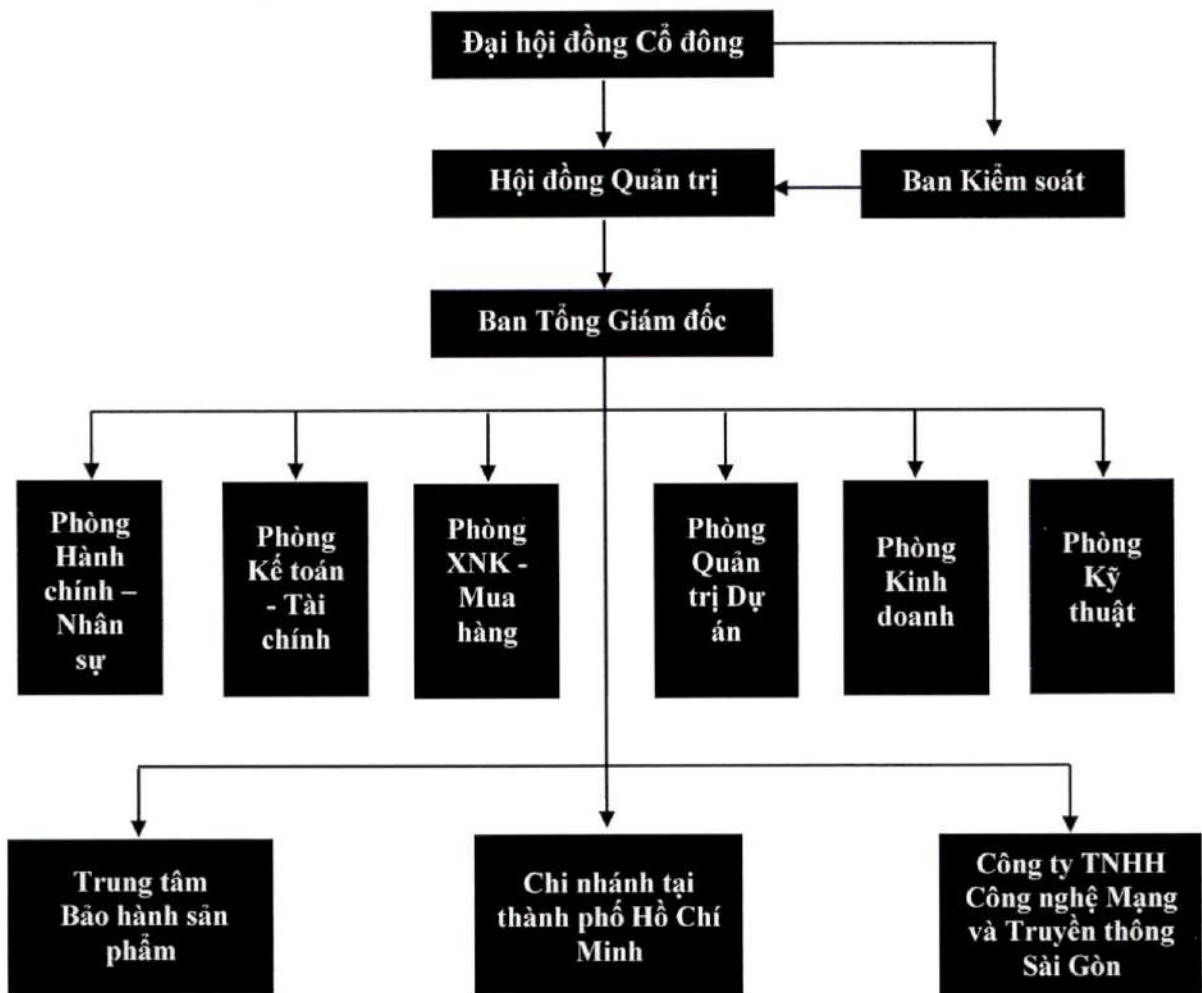
- Ngành nghề kinh doanh chính trong 2 năm gần nhất:

- + Cung cấp các giải pháp tin học;
- + Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo hành, bảo trì các thiết bị trên;
- + Tư vấn chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện tử, điện lạnh, tin học, viễn thông;
- + Sản xuất phần mềm tin học; Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.
- + Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa
- + Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng

- Địa bàn kinh doanh trong 02 năm gần nhất: Thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thông tin về mô hình Quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

- Mô hình Quản trị:



- Cơ cấu bộ máy quản lý.

+ Đại hội đồng Cổ đông: Các Cổ đông

+ Hội đồng Quản trị:

Chủ tịch	: Ông Trần Thanh Hải
Ủy viên	: Ông Lê Ngọc Tú
Ủy viên	: Ông Phạm Ngọc Sơn
Ủy viên	: Ông Phạm Duy Hùng
Ủy viên	: Ông Nguyễn Anh Tuấn

+ Ban Điều hành:

Tổng Giám đốc	: Ông Hà Ngọc Linh
Phó Tổng Giám đốc	: Ông Phạm Ngọc Sơn
Phó Tổng Giám đốc	: Ông Nguyễn Đức Thuận
Kế toán trưởng	: Bà Cao Thị Nga (miễn nhiệm từ ngày 15/07/2024)
Phụ trách kế toán	: Bà Đặng Thị Trang (bổ nhiệm từ ngày 15/07/2024, miễn nhiệm từ ngày 15/01/2025)
Kế toán trưởng	: Bà Đặng Thị Trang (bổ nhiệm từ ngày 15/01/2025)
Giám đốc Chi nhánh TP.HCM:	Ông Trần Kim Cương

+ Các phòng ban chức năng:

Phòng Hành chính – Nhân sự;
Phòng Kế toán - Tài chính;
Phòng XNK - Mua hàng;
Phòng Quản trị Dự án;
Phòng Kinh doanh;
Phòng Kỹ thuật;
Trung tâm Bảo hành sản phẩm.

- Chi nhánh:

+ Tên Chi nhánh: Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông
+ Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà 111 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Công ty con:

+ Tên Công ty: Công ty TNHH Công nghệ Mạng và Truyền thông Sài Gòn
+ Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà 111-121 đường Ngô Gia Tự, Phường 02, Quận 10, TP Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+ Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh phần mềm tin học, viễn thông và cung cấp dịch vụ cài đặt, cấu hình, đào tạo, chuyển giao công nghệ phần mềm tin học, viễn thông.
+ Vốn điều lệ thực góp: 10 tỷ
+ Tỷ lệ sở hữu của công ty tại công ty con: 100%.
+ Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Kim Cương

5. Định hướng phát triển.

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Mục tiêu chính của Công ty là phát triển thị trường công nghệ thông tin trong nước, góp phần thúc đẩy tốc độ tăng trưởng của ngành công nghệ thông tin - một lĩnh vực kinh doanh đầy tiềm năng và mở rộng tại Việt Nam.
+ Cung cấp cho khách hàng dịch vụ hoàn hảo nhất và bảng giá thiết bị hợp lý nhất.
+ Phần đầu năm sau tăng trưởng hơn năm trước.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Tăng cường chất lượng quản lý và chất lượng dịch vụ nhằm thỏa mãn ngày càng tốt hơn các yêu cầu của khách hàng.
+ Tập trung vào xây dựng và phát triển các ứng dụng giải pháp tổng thể cho hệ thống ngân hàng, tài chính, bưu chính, viễn thông và các doanh nghiệp nhà nước, tư nhân, ...
+ Tăng cường công tác đào tạo nhân viên, xây dựng văn hóa công ty, lấy yếu tố con người làm trọng tâm cho sự phát triển của công ty.
+ Cùng cố và xây dựng quan hệ với các đối tác công nghệ hàng đầu.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Thực hiện đúng các quy định của Nhà nước đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.

6. Các rủi ro:

- Rủi ro về kinh tế: Khi nền kinh tế suy thoái thì việc đầu tư của khách hàng giảm do sức mua của thị trường giảm.

- Rủi ro về pháp luật: Hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam còn chưa hoàn thiện, chưa đồng bộ và ổn định.
- Rủi ro về đặc thù trong hoạt động kinh doanh:
 - + Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là một lĩnh vực phát triển nhanh và mạnh.
 - + Mặt hàng kinh doanh của Công ty chủ yếu là nhập khẩu từ nước ngoài nên chịu tác động của sự thay đổi về chính sách của nhà sản xuất, của thị trường nước ngoài, chính sách thuế của Nhà nước và sự biến động tỷ giá giữa đồng nội tệ và ngoại tệ. Dẫn đến, giá hàng hóa đầu vào không cố định.
 - + Do đặc thù kinh doanh của Công ty nên ngân hàng chỉ cho vay ngắn hạn khi Công ty có nhu cầu bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Trong khi đó lại thường xuyên bị chiếm dụng vốn và luôn phải trả trước cho đối tác.
- Rủi ro về việc giao dịch cổ phiếu trên sàn giao dịch Upcom: Việc biến động giá cổ phiếu trên thị trường làm ảnh hưởng đến thương hiệu và giá trị của Công ty. Trên thực tế, sự biến động giá cổ phiếu là không thể tránh khỏi, giá cổ phiếu trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố như: cung - cầu cổ phiếu; tình hình kinh tế, xã hội; sự thay đổi về chính sách kinh tế, các quy định pháp luật về chứng khoán; tâm lý của nhà đầu tư,
- Rủi ro khác: Thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, ...

II. Tình hình hoạt động trong năm.

1. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2024

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	724.782.834.070
2	Giá vốn hàng bán	647.693.423.369
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	76.016.351.741
4	Doanh thu hoạt động tài chính	1.522.307.251
5	Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	6.684.416.499 5.334.418.155
6	Chi phí bán hàng	15.383.101.221
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	39.814.623.117
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	15.656.518.155
9	Thu nhập khác	5.253.484.495
10	Chi phí khác	2.129.654.922
11	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	18.780.347.728
12	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.332.499.027

2. Tổ chức và nhân sự.

a) Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành.

- Tổng Giám đốc

- + Họ và tên : Ông Hà Ngọc Linh
- + Giới tính : Nam
- + Sinh ngày :
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Số CCCD :

- + Dân tộc : Kinh
- + Quê quán :
- + Hộ khẩu thường trú :
- + Trình độ văn hóa : Đại học
- + Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Công nghệ thông tin
- + Quá trình công tác:
 - 2001-2003 : Công ty TNHH ITC.
 - 2003-2014 : Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT
 - 2014-2015 : Công ty Cổ phần HIPT
 - 2015-2017 : Công ty TNHH MTV Transition Systems Việt Nam
 - 2017-2019 : Công ty CMC
 - 2019 -> nay : Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông.
- + Chức vụ hiện nay tại công ty: Giám đốc phát triển kinh doanh/Tổng Giám đốc
- + Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.
- + Số cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm 31/12/2024 : 0 cổ phần
- + Số cổ phần do người liên quan nắm giữ: Không có.
- + Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- + Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty:
 - Những khoản nợ với công ty: Không có.
 - Lợi ích liên quan đến công ty: Không có.

- Phó Tổng Giám đốc.

- + Họ và tên : Ông Phạm Ngọc Sơn
- + Giới tính : Nam
- + Sinh ngày :
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Số CCCD :
- + Dân tộc : Kinh
- + Quê quán :
- + Hộ khẩu thường trú :
- + Trình độ văn hóa : PTTH
- + Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Điện tử - Viễn thông
- + Quá trình công tác:
 - 10/2000 -> 10/2010 : Công ty TNHH Tích hợp hệ thống CMC
 - 10/2010 -> nay : Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông.
- + Chức vụ hiện nay tại công ty: Ủy viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc.
- + Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.
- + Số cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm 31/12/2024: 59.500 cổ phần.
- + Số cổ phần do người liên quan nắm giữ: Không có.
- + Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- + Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty:
 - Những khoản nợ với công ty: Không có.
 - Lợi ích liên quan đến công ty: Không có.

- Phó Tổng Giám đốc.

+ Họ và tên : Ông Nguyễn Đức Thuận
+ Giới tính : Nam
+ Sinh ngày :
+ Quốc tịch : Việt Nam
+ Số CCCD :
+ Dân tộc : Kinh
+ Quê quán : _____

+ Hộ khẩu thường trú :

+ Trình độ văn hóa : PTTH
+ Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp.
+ Quá trình công tác:
12/1996 -> 06/2001 : Công ty HANOSIMEX.
06/2001 -> 05/2003 : Công ty TNHH Dương Đạt.
05/2003 -> 05/2005 : Công ty XNK INTIMEX.
05/2005 -> 04/2010 : Công ty TNHH Công nghệ Việt Hàn.
04/2010 -> 05/2011 : Công ty TNHH Công nghệ ITS
05/2011 -> nay : Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông.
+ Chức vụ hiện nay tại công ty: Phó Tổng Giám đốc/Công bố thông tin
+ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.
+ Số cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm 31/12/2024: 65.000 cổ phần.
+ Số cổ phần do người liên quan nắm giữ: Không có.
+ Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
+ Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty:
Những khoản nợ với công ty: Không có.
Lợi ích liên quan đến công ty: Không có.

- Kế toán trưởng :

+ Họ và tên : Bà Đặng Thị Trang
+ Giới tính : Nữ
+ Sinh ngày :
+ Quốc tịch : Việt Nam
+ Số CCCD :
+ Dân tộc : Kinh
+ Quê quán :
+ Hộ khẩu thường trú :
+ Trình độ văn hóa : PTTH
+ Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán
+ Quá trình công tác:

2017-> 2019: Công ty CP Dược phẩm Trung ương Arova

2019- 03/2021: Công ty TNHH Dịch vụ công nghệ Thành Công

03/2021 -> Nay : Công ty CP Công nghệ mạng và Truyền thông.

+ Chức vụ hiện nay tại công ty: Kế toán trưởng.

- + Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.
- + Số cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm 31/12/2024: 0 cổ phần.
- + Số cổ phần do người liên quan nắm giữ: Không có.
- + Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- + Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty:
 - Những khoản nợ với công ty: Không có.
 - Lợi ích liên quan đến công ty: Không có.

- Giám đốc Chi nhánh.

- + Họ và tên : Ông Trần Kim Cương
- + Giới tính : Nam
- + Sinh ngày :
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + CMND số :
- + Dân tộc : Kinh
- + Quê quán :
- + Hộ khẩu thường trú :
- + Trình độ văn hóa : PTTH
- + Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị doanh nghiệp.
- + Quá trình công tác:
 - 1999 -> 2008 : Công ty Phần mềm CMC Soft.
 - 2008 -> 2012 : Công ty Tích hợp hệ thống CMC SI Sai Gon.
 - 2012 -> 2014 : Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông ABT.
 - 2014 -> 2017 : Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ - Đầu tư tài chính.
 - 2017 -> nay : Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông.
- + Chức vụ hiện nay tại công ty: Giám đốc Chi nhánh.
- + Số cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm 31/12/2024: 0 cổ phần.

b) Số lượng cán bộ, nhân viên và chế độ, chính sách đối với người lao động:

- Số lượng cán bộ, nhân viên của công ty tại thời điểm 31/12/2024 là: 84 người.
- Chế độ, chính sách đối với người lao động: Thực hiện tối thiểu theo đúng quy định của Luật lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

a) Các khoản đầu tư lớn trong năm: Không có.

b) Tóm tắt hoạt động kinh doanh của công ty con và chi nhánh.

- Công ty TNHH Công nghệ Mạng và Truyền thông Sài Gòn

Đơn vị tính: VND

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Doanh thu thuần	94.591.830.030
2	Lợi nhuận sau thuế	1.107.978.873

- Chi nhánh: Tạm dừng hoạt động

4. Tóm tắt tình hình tài chính.

STT	Chi tiêu	Tại thời điểm 31/12/2024
I	Tổng tài sản	472.528.203.638
1	Tài sản ngắn hạn	422.825.732.588
1.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	27.232.399.784
1.2	Các khoản đầu tư ngắn hạn	-
1.3	Các khoản phải thu ngắn hạn	295.115.092.180
1.4	Hàng tồn kho	100.416.365.493
1.5	Tài sản ngắn hạn khác	61.875.131
2	Tài sản dài hạn	49.702.471.050
2.1	Các khoản phải thu dài hạn	16.529.529
2.2	Tài sản cố định	49.359.309.919
2.3	Bất động sản đầu tư	-
2.4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-
2.5	Tài sản dở dang dài hạn	-
2.6	Tài sản dài hạn khác	326.631.602
II	Nguồn vốn	472.528.203.638
1	Nợ phải trả	217.233.777.606
1.1	Nợ ngắn hạn	204.096.271.046
1.2	Nợ dài hạn	13.137.506.560
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	255.294.426.032
2.1	Vốn chủ sở hữu	255.294.426.032
2.2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-

Đơn vị tính: VND

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu tại thời điểm 31/12/2024.

- Khả năng thanh toán:

1	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	1.4841
2	Hệ số khả năng thanh toán hiện hành	2.0716

- Quản lý nợ:

1	Nợ phải trả/Tổng tài sản	0.4597
2	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0.8509

- Hiệu quả hoạt động:

1	Vòng quay hàng hóa tồn kho	4.4043
2	Vòng quay phải thu của Khách hàng	1.5659
3	Vòng quay tài sản	1.5230
4	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.5315

- Khả năng sinh lời:

1	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.0198
2	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.0561
3	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.0303
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	0.0216
5	Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	0.1050
6	Lợi nhuận gộp/Giá vốn	0.1173

- Giá trị sổ sách cổ phiếu

1	Vốn chủ sở hữu/Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.079
---	---	--------

5. Cơ cấu Cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần (tại thời điểm 26/3/2025):

- Tổng số cổ phần:	8.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần đang lưu hành:	7.277.780 cổ phần.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:	8.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần bị hạn chuyển nhượng:	0 cổ phần.

b) Cơ cấu Cổ đông (tại thời điểm 26/3/2025):

- Phân loại theo tiêu chí Cổ đông trong nước và Cổ đông nước ngoài.

STT	Phân loại	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Cổ đông trong nước	7.730.282	96.63%
	- Cổ đông cá nhân	7.008.062	90.65%
	- Cổ đông tổ chức	722.220	9,35%
2	Cổ đông nước ngoài	269.718	3.37%
	- Cổ đông cá nhân	153.910	57.06%
	- Cổ đông tổ chức	115.808	42.94%

- Phân loại theo tiêu chí Cổ đông cá nhân và Cổ đông tổ chức.

STT	Phân loại	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Cổ đông cá nhân	7.161.972	89.52%
	- Cổ đông trong nước	7.008.062	98.12%
	- Cổ đông nước ngoài	153.910	1,88%
2	Cổ đông tổ chức	838.028	10.48%
	- Cổ đông trong nước	722.220	86.18%
	- Cổ đông nước ngoài	115.808	13.82%

- Phân loại theo tiêu chí Cổ đông nhà nước và Cổ đông khác.

STT	Phân loại	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Cổ đông nhà nước	0	0%
2	Cổ đông khác	8.000.000	100%

c) Tình hình thay đổi vốn của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Số lượng cổ phiếu quỹ tại thời điểm 31/12/2024 là: 722.220 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu quỹ đã giao dịch trong năm 2024 là: 0 cổ phiếu.

e) Các loại chứng khoán khác: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với kế hoạch:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch (VND)	Thực hiện (VND)	Tỷ lệ % hoàn thành
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	800.000.000.000	724.782.834.070	90.59 %
2	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25.000.000.000	14.332.499.027	57.33 %

- Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh:

+ Thị trường kinh doanh năm 2024 vẫn gặp rất nhiều khó khăn do:

- Tình hình kinh tế nói chung vẫn còn nhiều khó khăn;
- Sự cạnh tranh giữa các công ty trong cùng lĩnh vực ngày càng gay gắt;
- Các khách hàng truyền thống, tiềm năng tập trung vào việc tối ưu hóa chi phí thay vì mở rộng quy mô;
- Tiến độ giải ngân trong các dự án đầu tư công chậm.

+ Lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 57,33% kế hoạch đề ra vì các lý do sau:

- Giá hàng hóa, dịch vụ đầu vào tăng cao trong khi ngân sách đầu tư lại bị cắt giảm;
- Tỷ giá ngoại hối tăng cao;
- Các đối thủ trong ngành liên tục đưa ra các chiến lược giảm giá, khuyến mãi để thu hút khách hàng dẫn đến Công ty cũng phải giảm giá, khuyến mãi theo để cạnh tranh.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với năm trước liền kề:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023 (VND)	Năm 2024 (VND)	Tỷ lệ % Tăng (+) /giảm (-)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	627.156.341.166	724.782.834.070	15.57%
2	Giá vốn hàng bán	545.566.387.861	647.693.423.369	18.72%
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	80.708.804.815	76.016.351.741	-5.81%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	1.716.704.690	1.522.307.251	-11.32%

5	Chi phí tài chính	14.898.395.288	6.684.416.499	-55.13%
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>13.344.957.820</i>	<i>5.334.418.155</i>	<i>-60.03%</i>
6	Chi phí bán hàng	14.840.023.031	15.383.101.221	3.66%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	32.361.900.558	39.814.623.117	23.03%
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	20.325.190.628	15.656.518.155	-22.97%
9	Thu nhập khác	5.840.481.896	5.253.484.495	-10.05%
10	Chi phí khác	6.735.531.342	2.129.654.922	-68.38%
11	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	19.430.141.182	18.780.347.728	-3.34%
12	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.238.906.251	14.332.499.027	0.66%

- **Những tiến bộ đạt được trong năm:** Đội ngũ nhân viên học hỏi thêm được một giải pháp công nghệ mới, đáp ứng được nhu cầu thị trường.

2. Đánh giá về tình hình tài chính.

a) Tình hình tài chính:

STT	Chi tiêu	Tại thời điểm 31/12/2023 (VND)	Tại thời điểm 31/12/2024 (VND)	Tỷ lệ % Tăng (+) /giảm (-)
I	Tổng tài sản	477.873.449.332	472.528.203.638	-1.12%
1	Tài sản ngắn hạn	433.103.435.960	422.825.732.588	-2.37%
1.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	31.442.880.361	27.232.399.784	-13.39%
1.2	Các khoản đầu tư ngắn hạn			
1.3	Các khoản phải thu ngắn hạn	205.649.897.664	295.115.092.180	43.50%
1.4	Hàng hóa tồn kho	193.700.296.192	100.416.365.493	-48.16%
1.5	Tài sản ngắn hạn khác	2.310.361.743	61.875.131	-97.32%
2	Tài sản dài hạn	44.770.013.372	49.702.471.050	11.02%
2.1	Các khoản phải thu dài hạn	16.529.529	16.529.529	0.00%
2.2	Tài sản cố định	44.041.572.639	49.359.309.919	12.07%
2.3	Bất động sản đầu tư			-
2.4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			-
2.5	Tài sản dở dang dài hạn			-
2.6	Tài sản dài hạn khác	711.911.204	326.631.602	-54.12%
II	Nguồn vốn	477.873.449.332	472.528.203.638	-1.12%
1	Nợ phải trả	229.633.742.327	217.233.777.606	-5.40%
1.1	Nợ ngắn hạn	216.336.235.771	204.096.271.046	-5.66%
1.2	Nợ dài hạn	13.297.506.556	13.137.506.560	-1.20%
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	248.239.707.005	255.294.426.032	2.84%
2.1	Vốn chủ sở hữu	248.239.707.005	255.294.426.032	2.84%
2.2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**- Khả năng thanh toán:**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
1	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	1.1066	1.4841
2	Hệ số khả năng thanh toán hiện hành	2.0020	2.0716

- Quản lý nợ:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
1	Nợ phải trả/Tổng tài sản	0.4805	0.4597
2	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1.9250	0.8509

- Hiệu quả hoạt động:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
1	Vòng quay hàng hóa tồn kho	3.0808	4.4043
2	Vòng quay phải thu của khách hàng	1.3745	1.5659
3	Vòng quay tài sản	1.2326	1.5230
4	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.3124	1.5315

- Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
1	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.0227	0.0198
2	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.0574	0.0561
3	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.0298	0.0303
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	0.0324	0.0216
5	Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	0.1288	0.1050
6	Lợi nhuận gộp/Giá vốn	0.1296	0.1173

- Giá trị sổ sách cổ phiếu

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
1	Vốn chủ sở hữu/Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.109	35.079

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

- Điều chuyển nhân sự giữa các bộ phận trong công ty nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống và phù hợp với tình hình kinh tế chung.
- Tổ chức và tạo điều kiện cho CBNV trong Công ty tham gia các khóa đào tạo nâng cao của nhà sản xuất.
- Đưa ra các chính sách bán hàng linh hoạt và khuyến khích người lao động.
- Xây dựng thêm một số quy định về quy trình thực hiện công việc và bổ sung, sửa đổi các quy định cũ cho phù hợp với tình hình thực tế.

4. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán (nếu có): Không có.

IV. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty.

1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

- Công tác quản lý tài chính: Bảo toàn và phát triển vốn được thực hiện theo đúng chế độ chính sách, quy định của Nhà nước về quản lý tài chính. Quản lý tốt các nguồn thu chi, đảm bảo đủ vốn đáp ứng nhu cầu kinh doanh của công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.
- Chế độ chính sách với người lao động: Thực hiện đúng các quy định của Nhà nước đối với người lao động.
- Đối với môi trường, xã hội và cộng đồng: Thực hiện đầy đủ theo các quy định của Nhà nước đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.
- Đối với thương hiệu công ty: Ngày càng được nhiều khách hàng, đối tác trong và ngoài nước biết đến.

2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị. Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022, đảm bảo lợi hợp pháp của Công ty và các Cổ đông.

3. Các định hướng và kế hoạch của Hội đồng Quản trị.

- Phương hướng hoạt động kinh doanh:

- + Tiếp tục với một số chính sách thực hiện từ năm 2024 để đạt được tăng trưởng về doanh số
 - Tìm kiếm và khai thác các thị trường tiềm năng mới, mở rộng phạm vi hoạt động nhằm đa dạng hóa thị trường kinh doanh, giảm thiểu rủi ro và gia tăng cơ hội phát triển bền vững.
 - Đẩy mạnh kinh doanh tại các thị trường giàu tiềm năng, tập trung vào các lĩnh vực có hiệu suất cao nhằm tối ưu doanh thu, gia tăng hiệu quả kinh doanh và củng cố vị thế cạnh tranh.
 - Đầu tư phát triển năng lực trong các giải pháp công nghệ cao, đáp ứng yêu cầu của thị trường theo định hướng của nhà nước về việc phát triển khoa học công nghệ, lấy công nghệ làm nền tảng động lực phát triển kinh tế.
- + Đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao lợi nhuận:
 - Mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác chiến lược, tìm kiếm nhà cung cấp thiết bị và giải pháp phù hợp, tối ưu chi phí đầu vào, gia tăng sức cạnh tranh và đảm bảo nguồn lực ổn định.
 - Nâng cao năng lực quản trị triển khai các dự án, đảm bảo các dự án thực hiện đạt và vượt tiến độ, góp phần giảm bớt chi phí, nâng cao lợi nhuận dự án.

- Kế hoạch hoạt động kinh doanh.

- | | |
|---|-------------------------|
| + Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là | : 850.000.000.000 đồng. |
| + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là | : 20.000.000.000 đồng. |

V. Quản trị công ty.

1. Hội đồng Quản trị.

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị tại thời điểm 31/12/2024

STT	Thành viên Hội đồng Quản trị	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch	18,00%	Thành viên tham gia điều hành
2	Ông Lê Ngọc Tú	Ủy viên	34,69%	
3	Ông Phạm Ngọc Sơn	Ủy viên	0,73%	
4	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên	0	Thành viên độc lập
5	Ông Phạm Duy Hùng	Ủy viên	0	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng Quản trị.

- Các cuộc họp của HĐQT: Trong kỳ HĐQT họp 12 buổi.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch	12	100%	
2	Ông Lê Ngọc Tú	Ủy viên	12	100%	
3	Ông Phạm Duy Hùng	Ủy viên	12	100%	
4	Ông Phạm Ngọc Sơn	Ủy viên	12	100%	
5	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên	12	100%	

- Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc: Hội đồng Quản trị họp định kỳ hàng tháng với Ban điều hành công ty để nghe báo cáo tình hình kinh doanh và các mặt hoạt động khác của công ty. Đồng thời, cùng với Ban điều hành giải quyết những công việc của công ty và đề ra phương hướng hoạt động của những tháng tiếp theo.
- Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị: Hội đồng Quản trị không có các tiểu ban.
- Các nghị quyết của Hội đồng Quản trị. cụ thể:

TT	Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ
1	2902.1/2024/NQ-CMT-HĐQT	29/02/2024	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 và thời gian, địa điểm thực hiện.	100%
2	0507.1/2024/NQ-CMT-HĐQT	05/07/2024	Miễn nhiệm vị trí Kế toán trưởng	100%
3	0507.2/2024/NQ-CMT-HĐQT	05/07/2024	Bổ nhiệm vị trí Phụ trách kế toán	100%
4	0808.1/2024/NQ-CMT-HĐQT	08/08/2024	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền	100%
5	2012.4/2024/QĐ-CMT-HĐQT	20/12/2024	Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành: Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và cùng các thành viên Hội đồng Quản trị khác chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

e) Hoạt động của các tiểu ban thuộc hội đồng Quản trị: Hội đồng Quản trị không có các tiểu ban.

f) Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo về Quản trị công ty: Các thành viên trong Hội đồng Quản trị đều có chứng chỉ đào tạo về Quản trị công ty.

2. Ban Kiểm soát.

a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Stt	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Bà Lê Thị Kiều Dung	Trưởng ban	0,07%	Miễn nhiệm ngày 24/04/2024
2	Bà Nguyễn Khánh Ly	Trưởng ban	0,07%	Bổ nhiệm ngày 24/04/2024
3	Bà Trần Quốc Hưng	Thành viên	0	
4	Bà Trịnh Thị Thủy Linh	Thành viên	0	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Tham gia Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 và các cuộc họp Hội đồng Quản trị.
- Xem xét Báo cáo tài chính của Công ty.
- Xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi cho các Cổ đông.
- Giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định của Công ty đã ban hành.
- Xem xét việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024.

3. Các giao dịch và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát.

a) Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát:

- Tổng thù lao cho Hội đồng Quản trị : 396.000.000 đồng
- Tổng thù lao cho Ban Kiểm soát : 42.000.000 đồng

b) Giao dịch cổ phiếu của Cổ đông nội bộ: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với Cổ đông nội bộ: Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về Quản trị công ty: Không vi phạm quy định của pháp luật về Quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán NVA

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN
THÔNG VÀ CÔNG TY CON**

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 – 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 – 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông và Công ty con (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Khái quát

Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông được thành lập từ năm 2003 trên cơ sở tái cấu trúc Công ty TNHH Kỹ nghệ và Thương mại Tin học Toàn Cầu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0101122893 ngày 15 tháng 07 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 ngày 01 tháng 11 năm 2023.

Hoạt động chính của Công ty là: Cung cấp các giải pháp tin học; Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo hành, bảo trì các thiết bị trên; Tư vấn chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện tử, điện lạnh, tin học, viễn thông; Sản xuất phần mềm tin học; Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng (chủ yếu máy móc thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất, thiết bị điện tử, điện lạnh, tin học, viễn thông, thiết bị văn phòng, điều hòa không khí, trang thiết bị y tế).

Trụ sở chính của Công ty tại tòa nhà Infonet, số 33, Phố Vũ Ngọc Phan, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội

Chi nhánh Hồ Chí Minh tại tầng 11 số 111 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát năm tài chính 2024 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Ngọc Tú	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Duy Hùng	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hà Ngọc Linh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Thuận	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Bà Lê Thị Kiều Dung	Trưởng ban	Đến ngày 23/04/2024
Bà Nguyễn Khánh Ly	Trưởng ban	Từ ngày 24/04/2024
Ông Trần Quốc Hưng	Thành viên	
Bà Trịnh Thị Thùy Linh	Thành viên	

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Ông Hà Ngọc Linh

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán NVA đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê chuẩn và cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt ban Tổng Giám đốc



Hà Ngọc Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Số: 23.12.1.2/24/BCTC/NVA.VP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông và Công ty con (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27/03/2025, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông và Công ty con tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán số 084/2023/BCTCHN-FAC lập ngày 29/03/2024 đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.



Công ty TNHH Kiểm toán NVA
Phó Tổng Giám đốc

Lê Hồng Đào
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1732-2023-152-1

Kiểm toán viên

A blue ink signature of the auditor, Nguyễn Chí Thanh.

Nguyễn Chí Thanh
Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2819-2024-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2025



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		422.825.732.588	433.103.435.960
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	27.232.399.784	31.442.880.361
1. Tiền	111		27.232.399.784	31.442.880.361
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		295.115.092.180	205.649.897.664
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	272.183.321.711	190.662.754.311
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	13.954.170.543	6.900.602.574
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	12.634.754.880	11.743.695.733
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(3.657.154.954)	(3.657.154.954)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		100.416.365.493	193.700.296.192
1. Hàng tồn kho	141	V.6	100.416.365.493	193.700.296.192
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		61.875.131	2.310.361.743
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	25.539.322	197.743.631
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2.033.715.284
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	36.335.809	78.902.828
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu CP	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		49.702.471.050	44.770.013.372
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.529.529	16.529.529
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	16.529.529	16.529.529
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
II. Tài sản cố định	220		49.359.309.919	44.041.572.639
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	20.497.256.885	18.329.519.609
- Nguyên giá	222		35.154.853.800	32.184.548.967
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.657.596.915)	(13.855.029.358)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	28.862.053.034	25.712.053.030
- Nguyên giá	228		41.580.882.207	38.360.882.207
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.718.829.173)	(12.648.829.177)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		326.631.602	711.911.204
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	318.794.439	688.536.887
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.16	7.837.163	23.374.317
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		472.528.203.638	477.873.449.332

1388

NG
NH
1 TC
VA

HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		217.233.777.606	229.633.742.327
I. Nợ ngắn hạn	310		204.096.271.046	216.336.235.771
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	55.047.135.820	59.027.055.343
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	2.359.557.350	29.909.297.054
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	9.261.304.458	5.194.680.836
4. Phải trả người lao động	314		2.665.453.974	3.983.454.725
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	83.084.413	317.375.250
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	3.321.412.373	10.272.316.092
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	118.328.960.719	94.749.499.118
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.15	840.989.082	694.184.496
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.188.372.857	12.188.372.857
II. Nợ dài hạn	330		13.137.506.560	13.297.506.556
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	320.000.012	480.000.008
2. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		12.817.506.548	12.817.506.548
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		255.294.426.032	248.239.707.005
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	255.294.426.032	248.239.707.005
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415		(5.275.156.223)	(5.275.156.223)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		111.653.709.595	106.084.808.594
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		15.698.951.039	14.306.725.789
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		53.216.921.621	53.123.328.845
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		38.884.422.594	38.884.422.594
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.332.499.027	14.238.906.251
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		472.528.203.638	477.873.449.332

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phụng

Kế toán trưởng

Đặng Thị Trang

Tổng Giám đốc



Hà Ngọc Linh

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	724.782.834.070	627.156.341.166
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.073.058.960	881.148.490
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		723.709.775.110	626.275.192.676
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	647.693.423.369	545.566.387.861
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		76.016.351.741	80.708.804.815
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.522.307.251	1.716.704.690
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	6.684.416.499	14.898.395.288
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.334.418.155	13.344.957.820
8. Phần lãi, lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	15.383.101.221	14.840.023.031
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	39.814.623.117	32.361.900.558
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.656.518.155	20.325.190.628
12. Thu nhập khác	31	VI.8	5.253.484.495	5.840.481.896
13. Chi phí khác	32	VI.9	2.129.654.922	6.735.531.342
14. Lợi nhuận khác	40		3.123.829.573	(895.049.446)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.780.347.728	19.430.141.182
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	4.432.311.547	5.214.609.248
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.12	15.537.154	(23.374.317)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.332.499.027	14.238.906.251
19. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	61		14.332.499.027	14.238.906.251
20. Lợi nhuận sau thuế cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	1.969	1.956
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	1.969	1.956

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phụng

Kế toán trưởng

Đặng Thị Trang



Tổng Giám đốc

Hà Ngọc Linh

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18.780.347.728	19.430.141.182
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.297.254.937	2.173.619.086
- Các khoản dự phòng	03		146.804.586	(1.929.866.910)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(539.509.920)	(26.121.564)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(142.113.122)	(95.615.927)
- Chi phí lãi vay	06		5.334.418.155	13.344.957.820
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		25.877.202.364	32.897.113.687
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(87.388.912.213)	85.981.131.167
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		93.283.930.699	(33.233.545.838)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(35.572.860.196)	(33.530.289.918)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		541.946.757	329.673.461
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.496.342.414)	(13.779.793.759)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.221.544.412)	(4.636.366.119)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(12.976.579.415)	34.027.922.681
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.614.992.217)	(1.423.981.859)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		95.000.000	421.625.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		47.113.122	56.430.113
Lưu chuyển tiền thuần hoạt động đầu tư	30		(7.472.879.095)	(945.926.746)

M.S.D.N.
★ QUẢN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		413.183.225.023	449.719.394.947
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(389.763.763.418)	(489.629.698.597)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.273.030.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		16.146.431.605	(39.910.303.650)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.303.026.905)	(6.828.307.715)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		31.442.880.361	38.285.092.152
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		92.546.328	(13.904.076)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	27.232.399.784	31.442.880.361

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phụng

Kế toán trưởng

Đặng Thị Trang

Tổng Giám đốc



Hà Ngọc Linh

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông được thành lập từ năm 2003 trên cơ sở tái cấu trúc Công ty TNHH Kỹ nghệ và Thương mại Tin học Toàn Cầu.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0101122893 ngày 15 tháng 07 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 ngày 01 tháng 11 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại tòa nhà Infonet, số 33, Phố Vũ Ngọc Phan, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ, lắp đặt phần mềm

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Cung cấp các giải pháp tin học; Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo hành, bảo trì các thiết bị trên; Tư vấn chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện tử, điện lạnh, tin học, viễn thông; Sản xuất phần mềm tin học; Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng (chủ yếu máy móc thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất, thiết bị điện tử, điện lạnh, tin học, viễn thông, thiết bị văn phòng, điều hòa không khí, trang thiết bị y tế).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31/12/2024 là: 84 người (tại ngày 31/12/2023 là 81 người).

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 Công ty có một đơn vị phụ thuộc hạch toán độc lập là Chi nhánh Hồ Chí Minh tại tầng 11 số 111 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số các Công ty con: 1

Số lượng Công ty con được hợp nhất: 1

Số lượng Công ty con không được hợp nhất: 0

Danh sách các công ty con được hợp nhất theo phương pháp giá gốc như sau:

Tên Công ty con	Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH Công nghệ mạng và Truyền thông Sài Gòn	Kinh doanh thiết bị viễn thông, phần mềm	10.000.000.000	100%	100%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm Công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với kỳ trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con. Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng tại Công ty thì báo cáo tài chính của công ty con sẽ được điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc hợp nhất báo cáo.

Số dư các tài khoản trong bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

- Trường hợp hợp đồng không quy định cụ thể tỷ giá thanh toán:

+ Đối với nợ phải thu: Tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với nợ phải trả: Tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được xác định theo nguyên tắc sau:

+ Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: Tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

+ Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: Tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm sau khi được bù trừ chênh lệch tăng với chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất giữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến tồn thất có thể xảy ra hoặc không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu được trình bày ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối kỳ trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Năm nay	Năm trước
Nhà cửa vật kiến trúc	20 - 25	20 - 25
Máy móc thiết bị	05	05
Phương tiện vận tải	03 - 07	03 - 07
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05	03 - 05
Phần mềm máy tính	03 - 07	03 - 07

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến tài sản này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, nghị quyết Hội đồng quản trị và thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán được xác lập.

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu như sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được Công ty ghi nhận khi được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

19. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ngày ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan được trình bày ở thuyết minh số VII.2.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tiền mặt	1.756.407.195	2.236.269.802
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.475.992.589	29.206.610.559
Cộng	27.232.399.784	31.442.880.361

2. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	66.482.105.840	12.358.290.054
Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	16.783.645.067	23.574.993.437
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	21.188.441.100	13.117.370.800
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và công nghệ	25.417.585.865	16.574.487.947
EVN- CN Tập đoàn điện lực Việt Nam		
Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam	10.132.952.944	23.455.650.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	8.593.926.479	38.287.671.025
Ban Quản Lý Dự Án Truyền Tải Điện - Chi	34.153.288.000	
Nhánh Tổng Công ty Truyền Tải Điện Quốc Gia		
Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP	28.878.082.920	
Tổng công ty hạ tầng mạng	15.899.705.836	-
Phải thu khách hàng khác	44.653.587.660	63.294.291.048
Cộng	272.183.321.711	190.662.754.311

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Material Networks Asia	1.328.775.000	1.211.297.616
Công ty TNHH Công nghệ và Dịch vụ Phương Tây	3.122.057.460	3.122.057.460
Công ty cổ phần phân phối Việt Nét	5.181.594.900	-
Các đối tượng khác	4.321.743.183	2.567.247.498
Cộng	13.954.170.543	6.900.602.574

4. Phải thu khác

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu về tạm ứng	4.890.600.000	1.725.000.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.699.664.166	9.939.008.968
Phải thu khác	44.490.714	79.686.765
Cộng	12.634.754.880	11.743.695.733
b. Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	16.529.529	16.529.529
Cộng	16.529.529	16.529.529

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****5. Nợ xấu***Đơn vị tính: VND*

	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng	535.097.494	535.097.494	-	535.097.494	535.097.494	-
Văn phòng Bộ Công an	100.100.001	100.100.001	-	100.100.001	100.100.001	-
Công ty CP Anphanam Cơ Điện	103.164.600	103.164.600	-	103.164.600	103.164.600	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Vĩnh Hưng	184.000.002	184.000.002	-	184.000.002	184.000.002	-
HUAWEI TECH INVESTMENT CO.,LTD	147.832.891	147.832.891	-	147.832.891	147.832.891	-
Trả trước cho người bán	3.122.057.460	3.122.057.460	-	3.122.057.460	3.122.057.460	-
Công ty TNHH Công nghệ và Dịch vụ Phương Tây	3.122.057.460	3.122.057.460	-	3.122.057.460	3.122.057.460	-
Cộng	3.657.154.954	3.657.154.954	-	3.657.154.954	3.657.154.954	-

6. Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	52.164.523.021	-	51.621.801.391	-
Hàng hóa	48.251.842.472	-	142.078.494.801	-
Cộng	100.416.365.493	-	193.700.296.192	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	16.182.551.707	1.245.882.601	8.841.832.661	5.914.281.998	32.184.548.967
Số tăng trong năm	168.284.000	4.087.114.900	-	293.502.408	4.548.901.308
Mua sắm mới	-	4.012.114.900	-	214.593.317	4.226.708.217
Xây dựng mới	168.284.000	-	-	-	168.284.000
Phân loại lại	-	75.000.000	-	78.909.091	153.909.091
Số giảm trong năm	-	78.909.091	1.424.687.384	75.000.000	1.578.596.475
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.424.687.384	-	1.424.687.384
Phân loại lại	-	78.909.091	-	75.000.000	153.909.091
Số dư cuối năm	16.350.835.707	5.254.088.410	7.417.145.277	6.132.784.406	35.154.853.800
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3.337.314.599	660.121.557	4.881.268.013	4.976.325.189	13.855.029.358
Số tăng trong năm	735.965.567	435.814.949	605.923.524	478.804.690	2.256.508.730
Khấu hao trong năm	735.965.567	431.439.947	605.923.524	453.925.903	2.227.254.941
Phân loại lại	-	4.375.002	-	24.878.787	29.253.789
Số giảm trong năm	-	24.878.787	1.426.981.265	2.081.121	1.453.941.173
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.424.687.384	-	1.424.687.384
Phân loại lại	-	24.878.787	2.293.881	2.081.121	29.253.789
Số dư cuối năm	4.073.280.166	1.071.057.719	4.060.210.272	5.453.048.758	14.657.596.915
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	12.845.237.108	585.761.044	3.960.564.648	937.956.809	18.329.519.609
Tại ngày cuối năm	12.277.555.541	4.183.030.691	3.356.935.005	679.735.648	20.497.256.885

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng: 6.229.635.512 đồng

Giá trị còn lại cuối kỳ dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay: 6.980.912.104 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Đơn vị tính: VND Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	25.476.750.000	12.884.132.207	38.360.882.207
Số tăng trong năm	3.220.000.000	-	3.220.000.000
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	28.696.750.000	12.884.132.207	41.580.882.207
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	12.648.829.177	12.648.829.177
Số tăng trong năm	-	69.999.996	69.999.996
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	12.718.829.173	12.718.829.173
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	25.476.750.000	235.303.030	25.712.053.030
Tại ngày cuối năm	28.696.750.000	165.303.034	28.862.053.034

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết còn sử dụng: 12.504.132.207 đồng

Giá trị còn lại cuối kỳ dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay: 0 đồng

9. Chi phí trả trước

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a. Chi phí trả trước ngắn hạn		
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ sử dụng	25.539.322	99.639.505
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	98.104.126
Cộng	25.539.322	197.743.631
b. Chi phí trả trước dài hạn		
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ sử dụng	225.810.098	457.103.218
Chi phí trả trước dài hạn khác	92.984.341	231.433.669
Cộng	318.794.439	688.536.887

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Prognostic Services Pte Ltd	12.875.051.551	12.875.051.551	21.280.708.742	21.280.708.742
Công ty Cổ phần Tin học MiMi	-	-	3.207.120.000	3.207.120.000
Indo - China Telemedia Pte Ltd	3.356.341.034	3.356.341.034	7.180.942.272	7.180.942.272
Các đối tượng khác	38.815.743.235	38.815.743.235	27.358.284.329	27.358.284.329
Cộng	55.047.135.820	55.047.135.820	59.027.055.343	59.027.055.343

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Cục Bưu điện Trung Ương	-	19.574.005.350
Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam	-	6.941.880.000
Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam	990.000.000	-
Công ty TNHH Tích Hợp Hệ Thống Quản Lý Quốc Tế	777.879.350	-
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	404.514.000	-
Các đối tượng khác	187.164.000	3.393.411.704
Cộng	2.359.557.350	29.909.297.054

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Đầu năm VND	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm VND
Thuế phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	674.615.493	10.388.575.660	5.897.399.683	5.165.791.470
Thuế TNDN	3.141.846.351	4.432.311.547	4.221.544.412	3.352.613.486
Thuế TNCN	358.387.902	1.011.947.538	983.038.210	387.297.230
Thuế khác	1.019.831.090	10.434.743.806	11.098.972.624	355.602.272
Cộng	5.194.680.836	26.267.578.551	22.200.954.929	9.261.304.458
Thuế phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	42.567.019	42.567.019	-	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	8.702.935	23.846.212.936	23.846.212.936	8.702.935
Thuế xuất nhập khẩu	27.632.874	-	-	27.632.874
Cộng	78.902.828	23.888.779.955	23.846.212.936	36.335.809

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Lãi vay	83.084.413	245.008.672
Phải trả khác	-	72.366.578
Cộng	83.084.413	317.375.250

14. Phải trả khác ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	5.479.391	-
Cổ tức phải trả	9.500.000	4.750.000
Phải trả tiền thù lao HĐQT, BKS	1.459.500.000	1.392.000.000
Trần Kim Cương	1.754.000.000	1.754.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Viễn thông Tin học Sun Việt	-	7.054.355.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	92.932.982	67.211.092
Cộng	3.321.412.373	10.272.316.092

15. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	635.964.082	694.184.496
Dự phòng trợ cấp thôi việc	205.025.000	-
Cộng	840.989.082	694.184.496

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	7.837.163	23.374.317
Cộng	7.837.163	23.374.317

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Đơn vị tính : VND					
	Cuối năm		Tăng trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	118.328.960.719	118.328.960.719	413.343.225.019	389.763.763.418	94.749.499.118	94.749.499.118
Vay ngắn hạn	118.168.960.723	118.168.960.723	413.183.225.023	389.603.763.422	94.589.499.122	94.589.499.122
Ngân hàng TMCP Quân đội (a)	16.347.920.900	16.347.920.900	132.334.656.194	157.960.424.429	41.973.689.135	41.973.689.135
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (b)	5.861.393.562	5.861.393.562	32.095.926.932	43.009.134.572	16.774.601.202	16.774.601.202
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	-	-	11.319.838.605	11.319.838.605	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (c)	39.840.075.113	39.840.075.113	81.785.469.009	56.507.839.958	14.562.446.062	14.562.446.062
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (d)	1.170.246.000	1.170.246.000	4.392.325.516	3.222.079.516	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (e)	12.579.714.510	12.579.714.510	48.306.189.079	41.407.694.569	5.681.220.000	5.681.220.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (f)	22.985.509.340	22.985.509.340	40.268.750.173	22.866.260.833	5.583.020.000	5.583.020.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2 (g)	5.898.317.380	5.898.317.380	14.465.212.656	13.089.651.750	4.522.756.474	4.522.756.474
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (h)	13.485.783.918	13.485.783.918	41.214.856.859	33.220.839.190	5.491.766.249	5.491.766.249
Bà Lê Thị Hồng Vân	-	-	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	159.999.996	159.999.996	159.999.996	159.999.996	159.999.996	159.999.996
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2 (i)	159.999.996	159.999.996	159.999.996	159.999.996	159.999.996	159.999.996

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

b) Vay dài hạn	320.000.012	320.000.012	-	159.999.996	480.000.008	480.000.008
Ngân hàng Thương mại Cổ phần	320.000.012	320.000.012	-	159.999.996	480.000.008	480.000.008
Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch						
2 (i)						
Cộng	118.648.960.731	118.648.960.731	413.343.225.019	389.923.763.414	95.229.499.126	95.229.499.126

(a) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo Hợp đồng cấp tín dụng số 232807.24.056.631182.TD ngày 08/08/2024 với hạn mức tín dụng 452.000.000.000 VNĐ bao gồm hạn mức cho vay 200.000.000.000 VNĐ. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thiết bị, phần mềm, dịch vụ viễn thông tin học. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 18/06/2025, tối đa 9 tháng/ lần nhận nợ. Các biện pháp đảm bảo được Quy định tại Điều 2 Hợp đồng tín dụng hạn mức số 232807.24.056.631182.TD ngày 08/08/2024.

(b) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng số 01/2024/2440083/HĐTD ngày 03/10/2024 với hạn mức tín dụng 120.000.000.000 VNĐ. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Mục đích: bổ sung vốn lưu động, mở L/C bảo lãnh phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 30/09/2025. Các biện pháp đảm bảo quy định tại Điều 3 Hợp đồng số 01/2024/2440083/HĐTD ngày 03/10/2024.

(c) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo HĐ số TKC20160630/HĐTD ngày 26/11/2016 và Phụ lục số TKC20160630/HĐTD/PLHM-2418968 ngày 14/11/2024 về việc tái cấp hạn mức tín dụng cho năm 2024-2025 với hạn mức tín dụng 150.000.000.000 VNĐ, hạn mức cho vay thông thường: 60.000.000.000 VNĐ. Lãi suất theo từng lần giải ngân được quy định cụ thể trên Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ được lập theo mỗi lần rút vốn vay. Mục đích cho vay: vay ngắn hạn phục vụ kinh doanh. Thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng 12 tháng kể từ ngày 18/12/2024. Các tài sản đảm bảo Quy định tại Điều 7 phụ lục số TKC20160630/HĐTD/PLHM-2418968 ngày 14/11/2024.

(d) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng cấp tín dụng số 222/2024/HĐTD/THNC ngày 03/07/2024 với hạn mức tín dụng 150.000.000.000 VNĐ bao gồm hạn mức cho vay 50.000.000.000 VNĐ. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng từ khi ký hợp đồng, tối đa 9 tháng/ lần nhận nợ. Các biện pháp đảm bảo được Quy định tại Điều 1.4.2.2 Hợp đồng cấp tín dụng số 222/2024/HĐTD/THNC ngày 03/07/2024.

(e) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình theo hợp đồng cho vay hạn mức số 41/2024-HĐCVHM/NHCT124-INFONET ngày 03/06/2024; hạn mức cho vay không vượt quá 70.000.000.000 VNĐ; Lãi suất theo từng lần nhận nợ; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; thời hạn cho vay đến hết ngày 29/05/2025 và không quá 9 tháng/ GNN. Tài sản đảm bảo được quy định tại điều 5 hợp đồng cho vay hạn mức số 41/2024-HĐCVHM/NHCT124-INFONET ngày 03/06/2024.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(f) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 112-00029307.19084/2024/HĐTD ngày 02/10/2024; hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VNĐ, trong đó hạn mức cho vay tài trợ hợp đồng đầu ra là 50.000.000.000 VNĐ. Lãi suất theo từng Khế ước nhận nợ. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn Hợp đồng đến ngày 30/09/2025. Tài sản đảm bảo: tín chấp.

(g) Vay Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội - Chi Nhánh Sở Giao Dịch 2 theo hợp đồng tín dụng 242384.24.103.890838.TD ngày 05/09/2024. Hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 VNĐ. Thời hạn vay 06 tháng, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay: phục vụ hoạt động thương mại thiết bị viễn thông, tin học, phần mềm và lắp đặt phòng sever. Tài sản đảm bảo là chung cư C31003 Star City center - Quận Cầu Giấy, Hà Nội, và các tài sản khác quy định tại điều 2 hợp đồng vay.

(h) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số HSO2022766241/HDTD ngày 27/12/2022 và phụ lục số HSO2022766241/HDTD/PLHM-2408332 ngày 12/12/2024. Hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 VNĐ. Lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay là 12 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh. Tài sản đảm bảo khoản vay là bất động sản khu cao tầng 584, Quận tân phú, Tp. Hồ Chí Minh.

(i) Vay Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội Chi Nhánh Sở Giao Dịch 2 theo hợp đồng tín dụng 103271.22.103.890838.TD ngày 28/11/2022. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất theo thông báo của Ngân hàng. Mục đích vay để thanh toán 1 phần tiền mua xe ô tô theo hợp đồng mua bán ô tô số 0866.10.22/STF-KD. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp tài sản số 108968.22.103.890838.BD ngày 21/12/2022. Số dư nợ vay tại 31/12/2024 là 480.000.008 VNĐ (trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 159.999.996 VNĐ).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****18. Vốn chủ sở hữu****a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	(5.275.156.223)	92.351.662.765	10.873.439.332	56.050.854.880	234.000.800.754
Lãi trong năm trước					14.238.906.251	14.238.906.251
Trích lập các quỹ			13.733.145.829	3.433.286.457	(17.166.432.286)	-
Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	(5.275.156.223)	106.084.808.594	14.306.725.789	53.123.328.845	248.239.707.005
Lãi trong năm nay					14.332.499.027	14.332.499.027
Trích lập các quỹ			5.568.901.001	1.392.225.250	(6.961.126.251)	-
Chia cổ tức					(7.277.780.000)	(7.277.780.000)
Số dư cuối năm	80.000.000.000	(5.275.156.223)	111.653.709.595	15.698.951.039	53.216.921.621	255.294.426.032

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****b Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối năm VND	%	Đầu năm VND	%
Ông Lê Ngọc Tú	27.755.800.000	34,69%	27.755.800.000	34,69%
Ông Trần Thanh Hải	14.400.000.000	18,00%	14.400.000.000	18,00%
Vốn góp của cổ đông khác	37.844.200.000	47,31%	37.844.200.000	47,31%
Cộng	80.000.000.000	100	80.000.000.000	100

c Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	80.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm		
Vốn góp giảm trong năm		
Vốn góp cuối năm	80.000.000.000	80.000.000.000

d Cổ phiếu

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	722.220	722.220
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	722.220	722.220
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.277.780	7.277.780
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.277.780	7.277.780
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/cp		

19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Cuối năm	Đầu năm
Ngoại tệ các loại		
USD	95.614,08	3.124,88

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG TY CON
Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	650.296.533.202	543.711.298.070
Doanh thu cung cấp dịch vụ	74.486.300.868	83.445.043.096
Cộng	724.782.834.070	627.156.341.166

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giảm giá hàng bán	1.066.718.960	881.148.490
Hàng bán bị trả lại	6.340.000	-
Cộng	1.073.058.960	881.148.490

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng	596.151.580.238	494.366.494.701
Giá vốn dịch vụ cung cấp	51.541.843.131	51.199.893.160
Cộng	647.693.423.369	545.566.387.861

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	47.113.122	56.430.113
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	935.684.209	1.634.153.013
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	539.509.920	26.121.564
Cộng	1.522.307.251	1.716.704.690

5. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	5.334.418.155	13.344.957.820
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.349.998.344	1.553.437.468
Cộng	6.684.416.499	14.898.395.288

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****6. Chi phí phí bán hàng**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công, bảo hiểm	8.737.476.002	9.694.507.315
Chi phí dụng cụ đồ dùng	76.723.044	200.393.425
Chi phí khấu hao tài sản cố định	159.741.611	-
Chi phí bảo hành	24.914.000	104.420.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.421.971.930	1.221.006.023
Chi phí khác bằng tiền	4.962.274.634	3.619.696.268
Cộng	15.383.101.221	14.840.023.031

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công, bảo hiểm	14.196.192.554	12.918.410.356
Chi phí nguyên liệu, công cụ	733.672.279	842.745.056
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.101.700.826	1.810.885.548
Thuế phí lệ phí	13.130.401.971	8.593.331.539
Chi phí dự phòng, (hoàn nhập)	-	(574.166.300)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.462.950.504	3.683.314.140
Chi phí khác bằng tiền	6.189.704.983	5.087.380.219
Cộng	39.814.623.117	32.361.900.558

8. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	95.000.000	-
Tiền phạt thu được	-	196.140.412
Xử lý công nợ	-	4.768.355.000
Các khoản khác	5.158.484.495	875.986.484
Cộng	5.253.484.495	5.840.481.896

9. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản bị phạt hợp đồng	2.108.499.235	5.412.271.269
Các khoản phạt thuế, tiền chậm nộp	8.629.583	1.315.020.716
Chi phí khác	12.526.104	8.239.357
Cộng	2.129.654.922	6.735.531.342

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	810.395.323	1.043.138.481
Chi phí nhân công	22.925.846.978	22.612.917.671
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.297.254.937	1.810.885.548
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.884.922.434	4.904.320.163
Chi phí khác	24.307.295.588	16.830.661.726
Cộng	55.225.715.260	47.201.923.589

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.780.347.728	19.430.141.182
Các khoản điều chỉnh tăng, (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế	3.381.210.008	5.314.787.395
- Các khoản điều chỉnh tăng	5.208.895.775	5.314.787.395
+ Chi phí lãi vay không được khấu trừ	307.440.747	2.376.455.543
+ Chi phí khác không được trừ	4.901.455.028	3.088.206.148
+ Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) khác	-	(266.745.881)
+ Lãi đã ghi nhận thuế hoãn lại không được khấu trừ	-	116.871.585
- Các khoản điều chỉnh giảm	1.827.685.767	-
+ lãi tính thuế hoãn lại không được trừ	77.685.767	-
+ Chuyển lãi vay các năm trước	1.750.000.000	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	22.161.557.736	24.744.928.577
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.432.311.547	4.948.985.714
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	-	265.623.534
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	4.432.311.547	5.214.609.248

12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	15.537.154	(23.374.317)
Cộng	15.537.154	(23.374.317)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Lãi trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	14.332.499.027	14.238.906.251
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	14.332.499.027	14.238.906.251
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	7.277.780	7.277.780
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	1.969	1.956
- Lãi suy giảm	1.969	1.956

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo này

Lãi trên cổ phiếu năm nay được tính toán trên lợi nhuận sau thuế chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi, do đến thời điểm phát hành báo cáo này chưa có Nghị quyết Đại hội cổ đông, Công ty cũng chưa có kế hoạch phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin sự kiện sau niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

2.1 Danh mục các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.	

2.2 Giao dịch với bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng trong năm như sau:

Họ tên	Chức danh	Nội dung	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc				
Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	138.000.000	120.000.000
Ông Lê Ngọc Tú	TVHĐQT	Lương thưởng	179.047.416	178.260.000
		Thù lao	123.000.000	60.000.000
Ông Phạm Duy Hùng	TVHĐQT	Lương thưởng	442.665.035	442.260.000
		Thù lao	24.000.000	24.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG TY CON
Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Họ tên	Chức danh	Nội dung	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Phạm Ngọc Sơn	TVHĐQT	Thù lao	48.000.000	60.000.000
		Lương thưởng	382.665.035	382.260.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	TVHĐQT	Thù lao	36.000.000	24.000.000
		Lương thưởng	192.000.000	192.000.000
Ông Hà Ngọc Linh	Tổng Giám đốc	Lương thưởng	632.239.739	107.710.000
Ông Nguyễn Đức Thuận	Phó Tổng Giám đốc	Lương thưởng	322.665.035	322.260.000
Ban Kiểm soát				
Bà Lê Thị Kiều Dung (đến hết ngày 23/04/2024)	Trưởng ban	Thù lao	9.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Khánh Ly (từ ngày 24/04/2024)	Trưởng ban	Thù lao	13.500.000	-
Ông Trần Quốc Hưng	Thành viên	Thù lao	12.000.000	12.000.000
		Lương thưởng	360.597.596	407.546.506
Bà Trịnh Thị Thùy Linh	Thành viên	Thù lao	12.000.000	12.000.000
		Lương thưởng	291.075.334	238.864.157
Thành viên chủ chốt khác				
Bà Đặng Thị Trang (từ ngày 15/07/2024)	Kế toán trưởng	Lương thưởng	157.543.279	-
Bà Cao Thị Nga (đến hết ngày 14/07/2024)	Kế toán trưởng	Lương thưởng	159.176.606	234.130.339

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp giải pháp tin học, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

4. Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp tài sản cố định để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.7, V.17). Tại thời điểm 31/12/2024 Công ty không có nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

138
NG
NH
1 T
V,
HC

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Đơn vị tính: VND		
	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm	191.907.898.189	320.000.012	192.227.898.201
Các khoản vay	118.328.960.719	320.000.012	118.648.960.731
Phải trả người bán	55.047.135.820	-	55.047.135.820
Người mua trả trước	2.359.557.350	-	2.359.557.350
Chi phí phải trả	83.084.413	-	83.084.413
Phải trả khác	16.089.159.887	-	16.089.159.887
Số đầu năm	204.147.862.914	480.000.008	204.627.862.922
Các khoản vay	94.749.499.118	480.000.008	95.229.499.126
Phải trả người bán	59.027.055.343	-	59.027.055.343
Người mua trả trước	29.909.297.054	-	29.909.297.054
Chi phí phải trả	317.375.250	-	317.375.250
Phải trả khác	20.144.636.149	-	20.144.636.149

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet, 33 Vũ Ngọc Phan, Q.Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Phượng

Kế toán trưởng



Đặng Thị Trang

Tổng Giám đốc



Hà Ngọc Linh

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025

* Ghi chú : Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng được công bố trên website :
<http://www.infonet.com.vn>

Xác nhận của người đại diện theo pháp luật



Hà Ngọc Linh